

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2026/HSST**

Ngày 08 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên,

Các Hội thẩm nhân dân:

01. Ông Đặng Công Dung,

02. Bà Lê Thị Bích Phượng,

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Võ Như Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phùng Văn S**, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1978 tại: xã L, thành phố Đà Nẵng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 14, xã L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.

Con ông Phùng Văn M (*sinh năm: 1944*) và bà Phạm Thị C (*đã chết*).

Bị cáo có vợ là Trần Thị S (*sinh năm: 1976*); có 03 người con (*con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2005*).

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: năm 1996, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*” (tại bản án

hình sự sơ thẩm số 12/HSST ngày 25/5/1996). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các khoản nghĩa vụ phải thi hành án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/11/2025. Có mặt tại phiên tòa.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Minh X - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã L, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: ông Thái Công C - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã L, thành phố Đà Nẵng. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

01. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, trú tại: thôn 14, xã L, thành phố Đà Nẵng.

02. Ông Phùng Văn N, sinh năm 1981, trú tại: thôn 7, xã L, thành phố Đà Nẵng.

03. Ông Trần Văn T, sinh năm: 2005, trú tại: thôn 1, xã Trà Giáp, thành phố Đà Nẵng.

04. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1984, trú tại: thôn 2, xã Trà Giáp, thành phố Đà Nẵng.

05. Ông Đinh Quốc T, sinh năm: 2004, trú tại: thôn 2, xã Trà Giáp, thành phố Đà Nẵng.

06. Ông Đinh Quốc N, sinh năm: 1982, trú tại: thôn 2, xã Trà Giáp, thành phố Đà Nẵng.

07. Ông Lê Văn N, sinh năm: 1972, trú tại: thôn 2, xã Trà Giáp, thành phố Đà Nẵng.

08. Ông Lê Văn B, sinh năm: 1991, trú tại: thôn 2, xã Trà Giáp, thành phố Đà Nẵng.

09. Ông Lê Công V, sinh năm: 1994, trú tại: thôn 2, xã Trà Giáp, thành phố Đà Nẵng.

10. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 2005, trú tại: thôn 2, xã Trà Giáp, thành phố Đà Nẵng.

11. Ông Lâm Văn H, sinh năm 1982, trú tại: thôn 14, xã L, thành phố Đà Nẵng.

12. Ông Trương Minh Đ, sinh năm 1995, trú tại: thôn 14, xã L, thành phố Đà

Năng.

13. Ông Trương Minh N, sinh năm 1987, trú tại: thôn 14, xã L, thành phố Đà Nẵng.

14. Ông Lê Văn T, sinh năm 1989, trú tại: thôn 14, xã L, thành phố Đà Nẵng.

15. Ông Trần Văn T, sinh năm 1990, trú tại: thôn 14, xã L, thành phố Đà Nẵng.

Ông T, ông N có mặt; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 14 giờ ngày 28/02/2022, tại khoảnh 1, tiểu khu 557, khu vực Dốc Dăng Mặt, thuộc thôn 4, xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (*nay là xã L, thành phố Đà Nẵng*), Tổ Quản lý bảo vệ rừng phối hợp với Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn phát hiện một nhóm người đang thực hiện hành vi chặt, phát rừng tự nhiên trái pháp luật. Tổ công tác phát hiện lập biên bản làm việc đối với Nguyễn Ngọc T, Đinh Quốc T; số còn lại bỏ chạy; thu giữ tại hiện trường 01 (*một*) cây rựa của Đinh Quốc T.

Quá trình điều tra xác định: Do đã có ý định tìm đất trồng cây quế nên ngày 25/02/2022, trong quá trình đi tát nước ghe tại bờ đập thủy điện Sông Tranh 3, bị cáo Phùng Văn S tình cờ gặp 08 người, gồm: Nguyễn Ngọc T, Đinh Quốc T, Đinh Quốc N, Lê Văn N, Lê Văn B, Lê Công V, Nguyễn Văn Q, Trần Văn T. Qua nói chuyện, bị cáo thuê 08 người này phát rừng cho mình, tiền công 170.000 đồng/ngày/người. Bị cáo hẹn sáng ngày 26/02/2022 gặp nhau tại bờ đập thủy điện Sông Tranh 3 để đi phát rừng, những người này đồng ý. Sau đó, trên đường về nhà thì bị cáo gặp một nam thanh niên trú tại xã Tiên Ngọc, huyện Tiên Phước (bị cáo biết người này trước đó khi cùng đi làm phụ hồ xây dựng nhưng không biết rõ nhân thân, lai lịch). Bị cáo nói người này phát rừng cho mình với tiền công 170.000 đồng/ngày, người này đồng ý. Bị cáo cũng hẹn người này, sáng ngày 26/02/2022 gặp nhau tại bờ đập Sông Tranh 3 để đi phát rừng. Sáng ngày 26/02/2022, bị cáo Phùng Văn S nhờ Nguyễn Văn T (*cháu gọi bị cáo là cậu ruột*) cùng mình điều khiển ghe chở 09 người do bị cáo thuê qua lòng hồ thủy điện Sông Tranh 3 để đến khu vực rừng tự nhiên tại khoảnh 1, tiểu khu 557, khu vực Dốc Dăng Mặt, thuộc thôn 4, xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (*nay là xã L, thành phố Đà Nẵng*) chặt phát. Sáng ngày 26/02/2022, nhóm 09 người được bị cáo thuê tập trung tại bờ đập thủy điện Sông Tranh 3, Nguyễn Văn T và Phùng Văn S điều khiển ghe chở những người này cùng thực phẩm qua lòng hồ thủy điện Sông Tranh 3 để đến khu vực rừng tự nhiên tại khoảnh 1, tiểu khu 557, khu vực Dốc Dăng Mặt. Đến nơi, 09 người này cùng làm lán trại để ở tạm trong quá trình chặt, phát rừng.

Sáng ngày 27/02/2022, Phùng Văn S đã trực tiếp chỉ đạo, phân công công việc cho 09 người đã thuê dùng rựa cầm tay chặt, phát rừng tự nhiên tại khoảnh 1, tiểu khu 557, khu vực Dốc Dăng Mát, xã L, thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, Phùng Văn S gọi điện thoại cho Phùng Văn N (*là em ruột của bị cáo*) nhờ chở gạo, thịt lên cho bị cáo nhưng Phùng Văn N không nghe máy. Sau đó, Phùng Văn S gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T để nhờ ngày 28/02/2022 chở gạo, thịt lên cho bị cáo thì Nguyễn Văn T đồng ý. Nhóm 09 người này chặt, phát rừng đến 14 giờ ngày 28/02/2022 thì bị phát hiện lập biên bản, thu giữ 01 (một) cây rựa của Đinh Quốc T tại hiện trường.

Tổng diện tích rừng tự nhiên bị nhóm người do Phùng Văn S thuê chặt, phát là 7000m², trong đó: phát, chặt hạ trắng 4.801,0m² và phát luống 2.199,0m².

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 01/2025/CA ngày 29/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã L, thành phố Đà Nẵng xác định: thiệt hại về khối lượng gỗ và thiệt hại môi trường rừng đối với diện tích rừng 7000m² bị chặt, phá là 17.060.226 đồng (*Mười bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng*); trong đó: thiệt hại về khối lượng gỗ 2.543.500 đồng (*Hai triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng*), thiệt hại về môi trường tự nhiên 14.516.726 đồng (*Mười bốn triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*).

Tại văn bản số 608/CCCKL-SD&PTR ngày 06/10/2025 của Chi cục Kiểm lâm thành phố Đà Nẵng xác định: diện tích 7.000m² tại khoảnh 1, tiểu khu 557, khu vực Dốc Dăng Mát, xã L, thành phố Đà Nẵng mà Phùng Văn S thừa nhận đã phát, chặt là rừng tự nhiên và nằm trong quy hoạch rừng phòng hộ (*theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam (nay là thành phố Đà Nẵng) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam (nay là UBND thành phố Đà Nẵng) phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020*).

Tại Bản cáo trạng số 16/CT-VKSKV7-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phùng Văn S về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025*).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng giữ nguyên toàn bộ nội dung Cáo trạng truy tố và luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025*): xử phạt bị cáo Phùng Văn S từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập được, các chứng cứ, tài liệu do người tham gia tố tụng cung cấp cũng như hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo tính pháp lý, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Văn S khai nhận: ngày 25/02/2022, Phùng Văn S thuê 09 người (*gồm Nguyễn Ngọc T, Đinh Quốc T, Đinh Quốc N, Lê Văn N, Lê Văn B, Lê Công V, Nguyễn Văn Q, Trần Văn T và một người không xác định được nhân thân, lai lịch*) đến khu vực rừng tại khoảnh 1, tiểu khu 557, khu vực Dốc Dăng Mặt, thuộc thôn 4, xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (*nay là xã L, thành phố Đà Nẵng*) chặt, phá cây rừng để lấy đất trồng quế.

Từ ngày 27/02/2022 đến 14 giờ ngày 28/02/2022, tại khu vực rừng này, Phùng Văn S đã chỉ đạo trực tiếp cho nhóm 09 người được thuê nêu trên chặt, phá cây rừng. Bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, bị cáo cũng như những người được bị cáo thuê chặt phá cây đã xác định đúng tọa độ, diện tích đã chặt phá cây rừng là 7000m² (*Bảy nghìn mét vuông*) rừng phòng hộ tại khoảnh 1, tiểu khu 557, khu vực Dốc Dăng Mặt, thuộc thôn 4, xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (*nay là xã L, thành phố Đà Nẵng*). Bị cáo thống nhất với kết quả định giá, cụ thể: thiệt hại về khối lượng gỗ là 2.543.500 đồng (*Hai triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng*), thiệt hại về môi trường tự nhiên là 14.516.726 đồng (*Mười bốn triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*).

Khu vực rừng tại khoảnh 1, tiểu khu 557, Dốc Dăng Mặt, thuộc thôn 4, xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (*nay là xã L, thành phố Đà Nẵng*) là khu vực rừng được quy hoạch chức năng rừng phòng hộ, do Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đà Nẵng quản lý.

[3]. Đối chiếu với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi thuê người, chỉ đạo người chặt, phá cây trên diện tích 7000m² (*Bảy nghìn mét vuông*) rừng phòng hộ trái phép của bị cáo Phùng Văn S thuộc trường hợp những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Luật Bảo vệ và phát triển rừng; đủ các yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*”; diện tích 7000m² rừng mà bị cáo đã hủy hoại thuộc rừng phòng hộ nên thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025*).

[4]. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng đã truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5]. *Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy:* Rừng phòng hộ có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ và điều tiết nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, điều hoà khí hậu, đảm bảo cân bằng sinh thái và an ninh môi trường nên Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, nhất là rừng phòng hộ. Luật Bảo vệ và phát triển rừng quy định rõ trách nhiệm bảo vệ rừng là của toàn dân và được Nhà nước cụ thể hóa bằng việc xây dựng kế hoạch bảo vệ rừng theo từng cấp quản lý. Bị cáo Phùng Văn S là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức được hành vi hủy hoại rừng là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến sự ổn định và bền vững của môi trường. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6]. *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:* bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải. Sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025*). Bị cáo không có tiền án, tiền sự; năm 1996, bị cáo bị xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự:* hành vi phá rừng trái phép của bị cáo gây thiệt hại là 17.060.226 đồng (*Mười bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng*), trong đó: thiệt hại về khối lượng gỗ là 2.543.500 đồng (*Hai triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng*), thiệt hại về môi trường tự nhiên là 14.516.726 đồng (*Mười bốn triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*).

Đại diện cho nguyên đơn dân sự có yêu cầu bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đà Nẵng (*đại diện cho Nhà nước*) số tiền 17.060.226 đồng (*Mười bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền này.

[8]. *Về xử lý vật chứng:* Xét thấy 01 cây rựa chiều dài 70 cm, có lưỡi bằng kim loại, chiều dài: 25 cm; chiều rộng nhất của lưỡi: 3,8 cm; hẹp nhất: 02 cm và cán bằng gỗ có hình trụ tròn (đường kính: 2,7 cm, chiều dài: 45 cm) là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. *Về án phí:* bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. *Các vấn đề có liên quan trong vụ án:*

- Đối với Nguyễn Văn T là người được bị cáo nhờ dùng ghe của bị cáo chở nhóm người mà bị cáo đã thuê và chở thức ăn lên khu vực rừng tại khoảnh 1, tiểu khu 557, Dốc Dăng Mất; Nguyễn Văn T không tham gia vào việc chặt, phát rừng. Hành vi giúp sức này tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, hơn nữa Nguyễn Văn T không có hưởng lợi gì nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng chuyển thông tin cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với Phùng Văn N: hoàn toàn không tham gia vào sự việc này do đó không có căn cứ để xem xét xử lý Phùng Văn N.

- Đối với người thanh niên lạ mặt trú xã Tiên Ngọc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (cũ): Quá trình điều tra, không xác định được đặc điểm nhận dạng, nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

- Đối với 08 đối tượng gồm: Nguyễn Ngọc T, Đinh Quốc T, Đinh Quốc N, Lê Văn N, Lê Văn B, Lê Công V, Nguyễn Văn Q, Trần Văn T được bị cáo thuê chặt, phát cây. Hành vi của các đối tượng này tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể. Các đối tượng được bị cáo thuê, tham gia chặt, phát theo sự chỉ đạo từ bị cáo để nhận tiền công và không biết rừng đó thuộc loại rừng gì, do ai quản lý; hơn nữa, không có hưởng lợi gì ngoài tiền công lao động nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng chuyển thông tin cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với 05 người, gồm: Lâm Văn H, Trương Minh Đ, Trương Minh N, Lê Văn T, Trần Văn T thuộc Tổ Bảo vệ dịch vụ môi trường rừng sông Tranh 3, UBND xã Tiên Lãnh: xét thấy tiểu khu 557 gồm 6 khoảnh, có địa hình rộng (diện tích khoảng 500 ha), phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy hiểm. Theo kế hoạch các thành viên trong tổ sẽ tuần tra từ 2-3 khoảnh/đợt (thời gian tuần tra kéo dài từ 2-3 ngày), mỗi tuần thực hiện hai đợt tuần tra, trong trường hợp rừng có biến động, sẽ tổ chức tuần tra từ 03-04 khoảnh/ đợt. Trong thời gian từ ngày 25/02/2022 đến ngày 28/02/2022, Tổ Bảo vệ dịch vụ môi trường rừng Sông Tranh 3 đã thực hiện tuần tra tại các khoảnh 1, 2, 3 nên phát hiện, ngăn chặn vụ việc này. Do đó, 05 người thuộc Tổ Bảo vệ dịch vụ môi trường rừng Sông Tranh 3 đã thực hiện đúng nhiệm vụ được giao nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

- Đối với diện tích rừng 1.423m² bị thiệt hại còn lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng chưa xác định được đối tượng đã huỷ hoại rừng nên tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Việc xử lý như trên là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 243, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025*):

Tuyên bố: bị cáo **Phùng Văn S** phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

Xử phạt bị cáo **Phùng Văn S 03** (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 05/11/2025).

[2]. *Về trách nhiệm dân sự*: áp dụng Điều 86 Luật Bảo vệ và phát triển rừng; Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025*); các Điều 584, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

Bị cáo Phùng Văn S bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đà Nẵng (*đại diện cho Nhà nước*) số tiền 17.060.226 đồng (*Mười bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước; được khấu trừ vào số tiền 17.060.226 đồng (*Mười bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng*) bị cáo đã nộp khắc phục (có trong tài khoản số 39490904144500000 của Công an thành phố Đà Nẵng tại Kho bạc Nhà nước khu vực XIII theo Giấy nộp tiền mặt ngày 11/11/2025). Bị cáo Phùng Văn S đã bồi thường xong.

[3]. *Về xử lý vật chứng*: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*), tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây rựa chiều dài 70 cm, có lưỡi bằng kim loại, chiều dài: 25 cm; chiều rộng nhất của lưỡi: 3,8 cm; hẹp nhất: 02 cm và cán bằng gỗ có hình trụ tròn (đường kính: 2,7 cm, chiều dài: 45 cm).

(*Vật chứng hiện đang có tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 06/5/2026*).

[4]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: bị cáo Phùng Văn S chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng y*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/5/2026). Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT TANDTC,
- TAND TP Đà Nẵng,
- VKSND TP Đà Nẵng,
- Cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng,
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng,
- Phòng THADS khu vực 7- Đà Nẵng,
- Phòng PV06 CA TP Đà Nẵng,
- Phòng HSNV Sở Tư pháp TP Đà Nẵng,
- Người tham gia tố tụng,
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyên



